TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v tranh chấp "Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Huy Cường, bà Phạm Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 93 đường XVNT, phường VT, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Triệu H, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp TĐ, xã BC, tỉnh Tây Ninh. Yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Bích T trình bày:*

Bà và ông H kết hôn tự nguyện vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Triệu N, sinh ngày 23/12/2007 (nữ). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông H không chăm lo gia đình, bà Hồng đưa con gái về VT sinh sống từ năm 2010. Ông H sau đó vi phạm pháp luật, bị bắt giam và đi chấp hành án. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Triệu H trình bày*:

Ông và Bà T đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Nguyễn Triệu N, sinh năm 2007, hiện nay ông H đang chấp hành án tại Phân trại 1, Trại giam Thủ Đức. Ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của Bà T, đồng ý giao con chung cho Bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bích T đối với ông Nguyễn Triệu H. Cho Bà T được ly hôn với ông H. Giao cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 23/12/2007 cho bà Trần Thị Bích T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Triệu H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông H nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Triệu H cư trú tại xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh) nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Triệu H kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.1] Xét tình trạng hôn nhân của bà T, ông H thấy rằng: Ông bà bắt đầu chung sống từ năm 2007, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, bà T đưa con gái đến thành phố Vũng Tàu sinh sống từ năm 2010, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hoà giải và hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H hiện đang chấp hành án, đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Nhận thấy hôn nhân của bà T và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc xin ly hôn của bà T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà T, ông H có một con chung là cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 23/12/2007 (nữ). Từ khi sống ly thân, bà T đã đưa cháu N đi cùng và chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới nay. Ông H đồng ý giao cháu Ngân cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Ngân trình bày có nguyện vọng sống cùng bà T nên yêu cầu của bà T về việc được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N là có căn cứ. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Triệu H khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Triệu H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bích T với ông Nguyễn Triệu H. Bà T được ly hôn với ông H.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Bích T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Triệu N, sinh ngày 23/12/2007 (nữ). Bà T không yêu cầu cấp dưỡng.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Triệu H khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Triệu H khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012474 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Tây Ninh. Ghi nhận Bà T đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng Thi hành án khu vực 12;
- UBND xã LT (BC) (53/2009);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Oanh